

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: **Bản án số: 167/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 26-9-2025
**V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

2. Ông Phạm Định Quốc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 273/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố E, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là Tổ dân phố E, phường P, tỉnh Lâm Đồng).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố E, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là Tổ dân phố E, phường P, tỉnh Lâm Đồng).

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2025, bản tự khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Công S tự nguyện tìm hiểu, sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng). Thời gian đầu vợ chồng chung

sống bình thường, thời gian sau này giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông S hay xúc phạm bà và gia đình bà. Dù đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Công S.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Công S có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/02/2014. Hiện nay con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Công S nhưng bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N, xét xử cho bà Trần Thị Thanh N được ly hôn ông Nguyễn Công S và giao con chung cho bà N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Thanh N yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Công S và yêu cầu được nuôi con chung, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”; bị đơn có địa chỉ tại khu phố E, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là Tổ dân phố E, phường P, tỉnh Lâm Đồng). Do đó, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy:

Bà Trần Thị Thanh N và ông Nguyễn Công S chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2013 ngày 07 tháng 3 năm 2013. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Theo bà N trình bày, vợ chồng ông, bà trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Dù đã cố gắng nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện nay bà N và ông S đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Tòa án đã triệu tập ông S đến Tòa nhằm hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông S không đến Tòa, cho thấy ông S không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Trần Thị Thanh N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Công S là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trần Thị Thanh N khai bà và ông Nguyễn Công S có một con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/02/2014. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Công S không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nguyện vọng nuôi con hay không.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Cháu Nguyễn Thị Thanh T có giới tính nữ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2025 cháu có thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ, nên giao cháu cho bà N nuôi dưỡng là hợp lý. Do đó, chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của bà Trần Thị Thanh N, bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Trần Thị Thanh N chưa yêu cầu ông Nguyễn Công S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh N và ông Nguyễn Công S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Bà Trần Thị Thanh N và ông Nguyễn Công S chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh N được ly hôn ông Nguyễn Công S.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thanh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 06/02/2014. Ông Nguyễn Công S có nghĩa vụ giao con chung cho bà Trần Thị Thanh N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Thanh N chưa yêu cầu ông Nguyễn Công S cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N, ông S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Bà N không được ngăn cản ông S trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 07 tháng 5 năm 2025, bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003246 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, nay chuyển 300.000 đồng sang án phí và sung công quỹ nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10;
- Cơ quan THADS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Thảo Nguyên

